

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:38/2020/HS-ST
Ngày:27-4-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN - TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Tước

Bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VinhYên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2020/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

Trần Văn V, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1971 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Lê Thị P; có vợ là Hoàng Thị M và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 09/12/2019 được tại ngoại (có mặt).

Trần Ngọc A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1980 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Ngô Thị P; có vợ là Viên Thị L (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án số 19/2005/HSST ngày 22/7/2005, Trần Ngọc A bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tại Bản án số 12/2017/HSST ngày 14/3/2017, Trần Ngọc A bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2019 đến nay (có mặt).

Nghiêm Văn H, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1986 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề

nghề: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị H; có vợ là Trần Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 09/12/2019 được tại ngoại (có mặt).

Khổng Văn H1, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1975 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị K và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 09/12/2019 được tại ngoại (có mặt).

Nguyễn Văn Â, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1971 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 09/12/2019 được tại ngoại (có mặt).

Khổng Văn H2, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1979 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị C và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 09/12/2019 được tại ngoại (có mặt).

Nghiêm Văn M, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1989 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị H; có vợ là Nguyễn Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 09/12/2019 được tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 30/11/2019, tại công trình đang xây dựng nhà ở của gia đình chị Lê Thị T ở khu đô thị N, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an thành phố Vĩnh Yên phát hiện và bắt quả tang Trần Văn V, Nghiêm Văn M, Nguyễn Văn Â, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Khổng Văn H2 và Trần Ngọc A có hành vi đánh bài liêng ăn tiền.

Tang vật thu giữ gồm có: số tiền 8.255.000đ (trong đó trên chiếu bạc là 5.255.000đ; 3.000.000đ trong ví của H) là số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc; 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân; 01 chiếu nhựa; 01 điện thoại Iphone 6 của Khổng Văn H1; 01 điện thoại OPPO và 01 ví giả da của Nghiêm Văn H; 01 điện thoại Nokia của Trần Văn V; 01 điện thoại Nokia của Nguyễn Văn Â.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 20 giờ ngày 30/11/2019, sau khi các đối tượng cùng nhau đi ăn lẩu tại quán lẩu gần ngã tư Ốc Vít, phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, V nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức đánh bài “Liêng” được thua bằng tiền nên nói với cả nhóm “về làm tí liêng” (ý nói rủ đánh bạc ăn tiền), mọi người đồng ý. Sau đó cả nhóm đón xe taxi dọc đường đi về công trình đang xây dựng nhà ở của gia đình chị Lê Thị T. Công trình này gia đình chị T giao cho Nghiêm Văn H là chủ thầu, quản lý công trình. Trên đường về công trình, Ngọc A mua 01 bộ bài tu lơ khơ 52 quân để đánh bạc. Về đến nơi, các đối tượng V, H, Â, M, Ngọc A, H2 cùng nhau tham gia đánh bài liêng ăn tiền, mức độ sát phạt thấp nhất là 10.000đ/ván, cao nhất là 100.000đ/ván. Cả nhóm chơi được khoảng 15 phút thì H1 vào tham gia đánh bạc cùng.

Khi tham gia đánh bạc, Trần Văn V có 1.290.000đ; Nghiêm Văn H có 3.410.000đ; Khổng Văn H1 có 920.000đ; Trần Ngọc A có 790.000đ; Nghiêm Văn M có 415.000đ; Khổng Văn H2 có 590.000đ; Nguyễn Văn Â có 840.000đ. Tổng cộng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ là 8.255.000đ.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSTP.VY ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc A, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn V. Xử phạt bị cáo V từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc A. Xử phạt bị cáo A từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1. Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1 mỗi bị cáo từ 7 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2 và Nghiêm Văn M. Xử phạt các bị cáo Â, H2, M, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc A, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Á, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 30/11/2019, tại công trình xây dựng nhà ở của gia đình bà Lê Thị T tại Khu đô thị N thuộc phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Văn V, Nghiêm Văn H, Trần Ngọc A, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Á, Khổng Văn H2 và Nghiêm Văn M thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi liêng được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 10.000 đ/ván đến 100.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.255.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc A, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Á, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3]. Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Đánh bạc là tệ nạn xã hội cần lên án, là một trong những nguyên nhân gây ra rất nhiều mâu thuẫn, phá vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình và cũng là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp giật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi của mình là phạm pháp song do tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Văn V là người rủ rê, khởi xướng đồng thời tham gia đánh bạc với vai trò tích cực nên Vinh giữ vai trò chính trong vụ án. Do vậy cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Đây là những căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Trần Ngọc A là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và tham gia đánh bạc tích cực. Mặc dù sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị Tòa án xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, song bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Điều đó chứng tỏ sự coi thường pháp luật của bị cáo nên cũng cần xử lý nghiêm bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

Các bị cáo Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1 là những người thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng nào, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đây là những căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với H và H1, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm, số tiền sử dụng đánh bạc ít, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đây là căn cứ để Hội đồng xét xử

xem xét, xét thấy không cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho các bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Các bị cáo Â, H2, M không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không đảm bảo cuộc sống, điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước, nên cần miễn việc khấu trừ cho các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung, xét thấy: để nâng cao tính răn đe đối với các bị cáo nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung Ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

[6]. Trong vụ án này còn có anh Bùi Văn T là người đi cùng nhóm của Vinh ngày 30/11/2019. Tuy nhiên, khi về công trình xây dựng tại Khu đô thị N thuộc phường K, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, anh T không tham gia đánh bạc cùng các đối tượng, không biết các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa là tang vật vụ án, sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 và 01 điện thoại Nokia màu đen của Khổng Văn H1; 01 điện thoại di động OPPO và 01 ví giả da của Nghiêm Văn H; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen của Trần Văn V; 01 điện thoại di động Nokia màu đen của, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của các đối tượng, sử dụng vào việc liên lạc hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc A, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc A, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 01 (một) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/11/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn V, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2 và Nghiêm Văn M mỗi bị cáo 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 09/12/2019. Một ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Â, H2, M có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc A, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Â, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M, mỗi bị cáo 10.000.000 đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc nhựa, 52 quân bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 8.255.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại cho Khổng Văn H1 01 điện thoại di động Iphone 6 và 01 điện thoại Nokia màu đen; cho Nghiêm Văn H 01 điện thoại di động OPPO và 01 ví giả da; cho Trần Văn V 01 điện thoại di động NOKIA; cho Nguyễn Văn Â 01 điện thoại di động Nokia màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/01/2020 của cơ quan cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên).

Các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc A, Nghiêm Văn H, Khổng Văn H1, Nguyễn Văn Á, Khổng Văn H2, Nghiêm Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- CA thành phố Vĩnh Yên;
- THADS thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang